

外国語翻訳版

Bản dịch tiếng nước ngoài

お子さまの定期予防接種のご案内

Thông báo về tiêm chủng định kỳ cho trẻ em

1 予防接種を受ける前の注意事項

1 Những điều cần lưu ý trước khi tiêm chủng

予防接種は健康な人が元気な時に接種を受け、その病原体の感染を予防するものですので、体調のよい時に受けるのが原則です。日ごろから保護者の方はお子さんの体質、体調など健康状態によく気を配ってください。また、慢性の病気をもっている場合や何か気にかかることがあれば、あらかじめ、かかりつけの医師や保健福祉センターにご相談ください。

Tiêm chủng là việc tiêm phòng khi cơ thể khỏe mạnh để phòng ngừa nhiễm các mầm bệnh. Vì vậy, nguyên tắc là tiêm khi sức khỏe tốt. Hàng ngày, các bậc phụ huynh cần chú ý đến thể trạng và tình trạng sức khỏe của con em mình. Ngoài ra, nếu trẻ có bệnh mãn tính hoặc bất kỳ điều gì đáng lo ngại, hãy tham khảo ý kiến của bác sĩ hoặc trung tâm y tế, phúc lợi trước. An toàn để tiêm chủng để nhận được lợi ích, vì vậy, hãy chú ý các điểm sau đây:

Để đảm bảo tiêm chủng an toàn, hãy chú ý các điểm sau đây:

【予防接種を受けるときのポイント】

【Những điểm cần lưu ý khi tiêm chủng】

- ① 予防接種を受ける前にこの案内をよく読んで、必要性や副反応についてよく理解しましょう。わからないことは医療機関で接種を受ける前に質問しましょう。
- ① Trước khi tiêm, hãy đọc kỹ thông báo về tiêm chủng này và hiểu rõ về sự cần thiết cũng như phản ứng phụ. Nếu có điều gì không rõ, hãy hỏi trước khi tiêm tại cơ sở y tế.
- ② 受ける前日は入浴（又はシャワー）をさせ、身体を清潔にしましょう。
- ② Ngày trước khi tiêm, hãy tắm (hoặc tắm vòi sen) và giữ vệ sinh cơ thể sạch sẽ.
- ③ 当日は体温を測り、朝から子どもの状態をよく観察し、普段と変わった様子がないことを確認してください。接種に連れていく予定をしても体調が悪い時はやめましょう。
- ③ Vào ngày tiêm, hãy đo nhiệt độ cơ thể, quan sát kỹ trạng thái của trẻ từ sáng và xác nhận rằng không có biểu hiện bất thường so với thường ngày. Nếu trẻ có biểu hiện không khỏe, dù đã có kế hoạch tiêm, hãy hoãn lại.
- ④ 着衣は清潔なものにしましょう。

- ④ Hãy mặc đồ sạch sẽ cho trẻ.
- ⑤ 接種を受ける子どもの日頃の状態をよく知っている保護者の方が連れていきましょう。
- ⑤ Người giám hộ (phụ huynh) am hiểu rõ về tình trạng của trẻ nên đưa trẻ đi tiêm.
- ⑥ 予診票は子どもを診察して接種する医師への大切な情報です。
責任をもって、ありのままに記入しましょう。
- ⑥ Phiếu câu hỏi sàng lọc vắc-xin là thông tin quan trọng đối với bác sĩ chẩn đoán và tiêm cho trẻ. Hãy điền trung thực và có trách nhiệm.
- ⑦ 母子健康手帳は必ず医療機関に持っていきましょう。
- ⑦ Nhất thiết phải mang theo sổ tay sức khỏe mẹ và bé đến cơ sở y tế.
- ⑧ 保護者の方で髪が長い場合はゴムなどでまとめ、お子さんの接種部位に髪が触れないようにしましょう。
- ⑧ Nếu phụ huynh có tóc dài, hãy buộc gọn lại để tóc không chạm vào khu vực tiêm của trẻ.

(1) 病気にかかった後の接種間隔

(1) Khoảng cách giữa các lần tiêm chủng sau khi mắc bệnh

麻疹、風しん、水痘、おたふくかぜなどにかかった場合には、全身状態の改善を待って接種してください。次の表が目安とされています。

Trong trường hợp đã mắc các bệnh như sởi, rubella, thủy đậu, quai bị, hãy chờ cơ thể phục hồi hoàn toàn trước khi tiến hành tiêm chủng. Bảng dưới đây là mốc thời gian tham khảo:

かかった病気 Bệnh mắc phải	治ってから接種までの間隔 Khoảng cách từ khi khỏi bệnh đến khi tiêm chủng
麻疹 Sởi	4 週間程度 Khoảng 4 tuần
風しん・水痘・おたふくかぜなど Rubella, thủy đậu, quai bị, v.v.	2～4 週間程度 Khoảng 2 đến 4 tuần
上記以外のウイルス性疾患 (突発性発疹・手足口病・伝染性紅斑など) Các bệnh virus khác (ban đỏ bất chợt, tay chân miệng, ban đỏ nhiễm trùng, v.v.)	1～2 週間程度 Khoảng 1 đến 2 tuần

(2) 予防接種を受けることができない人

(2) Những người không thể tiêm chủng

① 明らかに発熱のある人

(接種場所で測定した体温が 37.5°C以上を指します。)

① Người có biểu hiện sốt rõ ràng

(Áp dụng với nhiệt độ cơ thể đo được tại nơi tiêm là 37.5° C trở lên.)

② 重い急性疾患にかかっている人

(急性の病気で薬を飲む必要がある人は、その日は見合わせるのが原則です。)

- ② Người đang mắc bệnh cấp tính nghiêm trọng
(Nguyên tắc là nên hoãn tiêm đối với những người đang cần dùng thuốc cho bệnh cấp tính.)
- ③ 予防接種の接種液の成分でアナフィラキシー（接種後 30 分以内に出現する呼吸困難や重いアレルギー反応のこと）を起こしたことがある人
- ③ Người từng bị sốc phản vệ do thành phần của vắc xin (phản ứng dị ứng nghiêm trọng như khó thở trong vòng 30 phút sau tiêm).
- ④ B 型肝炎ワクチン接種の場合、母子感染予防として、出生後（入院中）に B 型肝炎ワクチンの接種を受けたことがある人
- ④ Đối với vắc xin viêm gan B, người đã tiêm phòng viêm gan B để phòng ngừa lây nhiễm từ mẹ sang con ngay sau sinh (khi đang nằm viện).
- ⑤ ロタウイルスワクチン接種の場合は、腸重積症にかかったことが明らかな人、先天性消化管障がいのある人（その治療が完了した人を除く）、重症複合免疫不全症の所見がある人
- ⑤ Đối với vắc xin Rotavirus, người có tiền sử bị lồng ruột, người mắc dị tật bẩm sinh về đường tiêu hóa (trừ trường hợp đã điều trị hoàn tất), hoặc có dấu hiệu suy giảm miễn dịch nghiêm trọng.
- ⑥ BCG ワクチン接種の場合は、結核にかかったことがある人、その他の予防接種・外傷などによりケロイドができたことがある人
- ⑥ Đối với vắc xin BCG, người đã mắc bệnh lao, hoặc từng bị sẹo lồi do tiêm chủng khác hoặc chấn thương.
- ⑦ その他、医師が接種不相当と判断した人
- ⑦ Các trường hợp khác được bác sĩ đánh giá là không phù hợp để tiêm.

(3) 医師とよく相談しなくてはならない人

(3) Những người cần tham khảo ý kiến bác sĩ

次に該当すると思われる人は、かかりつけの医師がある場合には必ず前もって診ていただき、診断書又は意見書をもらってから接種に行きましょう。その際の診断などは、母子健康手帳に記入してもらおうと利用しやすいでしょう。

Nếu bạn nghĩ mình thuộc một trong các trường hợp sau, hãy chắc chắn đi khám bác sĩ gia đình trước, lấy giấy chẩn đoán hoặc ý kiến, sau đó mới đi tiêm. Ngoài ra, hãy nhờ bác sĩ ghi các chẩn đoán đó vào sổ tay sức khỏe mẹ và bé để dễ sử dụng khi cần.

- ① 心臓病、腎臓病、肝臓病や血液の病気及び発育障がいなどがある人
- ① Người mắc bệnh tim, bệnh thận, bệnh gan, bệnh máu, hoặc có các vấn đề về phát triển thể chất.
- ② 予防接種後 2 日以内に発熱及び、全身性の発しんなどアレルギーを疑う症状がみられた人

② Người có biểu hiện sốt hoặc phát ban toàn thân nghi ngờ là dị ứng trong vòng 2 ngày sau khi tiêm chủng trước đó.

③ 接種しようとする接種液の成分に対して、アレルギーの症状がでるおそれのある人

③ Người có nguy cơ xuất hiện triệu chứng dị ứng với thành phần của vắc xin dự kiến tiêm.

④ 今までにけいれんをおこしたことがある人

※かかりつけの医師と事前によく相談しましょう。

④ Người từng có tiền sử bị co giật.

※Hãy tham khảo kỹ ý kiến bác sĩ riêng trước.

⑤ 過去に免疫状態を検査して異常を指摘されたことのある人、及び近親者に先天性免疫不全症の方がいる人

⑤ Người từng được kiểm tra tình trạng miễn dịch và phát hiện bất thường, hoặc có người thân gần gũi bị suy giảm miễn dịch bẩm sinh.

免疫不全

Suy giảm miễn dịch

「免疫不全」とは身体の中に病気の原因となる微生物が侵入したときに、身体を守るために働く機能が不十分で抵抗力が著しく低下した状態です。病気に感染しやすく、感染すると症状が長びいたり悪化したりします。

「Suy giảm miễn dịch」 là trạng thái cơ thể không đủ khả năng để chống lại các vi sinh vật gây bệnh xâm nhập, làm suy yếu đáng kể sức đề kháng. Những người bị suy giảm miễn dịch dễ mắc bệnh, và khi mắc bệnh, triệu chứng thường kéo dài hoặc nghiêm trọng hơn.

⑥ ロタウイルスワクチン接種の場合は、活動性胃腸疾患や下痢などの胃腸障がいのある人

⑥ Đối với vắc xin Rotavirus, người có vấn đề về dạ dày-ruột như bệnh dạ dày-ruột cấp tính hoặc tiêu chảy.

⑦ BCG ワクチン接種の場合は、接種部位に外用ステロイド剤を使用している人

⑦ Đối với vắc xin BCG, người đang sử dụng thuốc steroid bôi ngoài da tại vùng tiêm.

⑧ BCG ワクチン接種の場合は、過去に結核患者と接触があった人、結核に感染している疑いある人

⑧ Đối với vắc xin BCG, người từng tiếp xúc với bệnh nhân lao hoặc nghi ngờ nhiễm lao.

※⑧については、お住まいの区の保健福祉センターへ事前に問い合わせましょう。

※Đối với mục ⑧, hãy liên hệ trước với trung tâm y tế và phúc lợi tại quận nơi bạn sinh sống.

2 予防接種を受けた後の注意事項

2 Những lưu ý sau khi tiêm phòng

① 予防接種を受けたあと 30 分以内に、急な副反応がおこることがあります。医師とすぐに連絡がとれるようにして、お子さんの様子を観察しましょう。

① Trong vòng 30 phút sau khi tiêm phòng, có thể xảy ra phản ứng phụ đột ngột. Hãy liên lạc

ngay lập tức với bác sĩ và quan sát tình trạng của trẻ.

- ② 接種後、生ワクチンでは4週間、不活化ワクチンでは1週間は副反応の出現に注意しましょう。
- ② Sau khi tiêm vắc xin, hãy chú ý theo dõi sự xuất hiện của các phản ứng phụ trong 4 tuần đối với vắc xin sống và 1 tuần đối với vắc xin bất hoạt.
- ③ 接種部位の腫れ、高熱、嘔吐、けいれん（ひきつけ）、その他変わったことがある時は、速やかに医師の診察を受けましょう。
- ③ Nếu vùng tiêm bị sưng, trẻ bị sốt cao, nôn mửa, co giật, hoặc có bất kỳ dấu hiệu bất thường nào khác, hãy nhanh chóng đưa trẻ đến bác sĩ để được khám.
- ④ 接種部位は清潔に保ちましょう。入浴は差し支えありませんが、接種した部位をこすめることはやめましょう。
- ④ Hãy giữ sạch sẽ vùng tiêm. Việc tắm rửa không ảnh hưởng nhưng không nên chà xát vùng đã tiêm.
- ⑤ 接種当日はいつも通りの生活ができますが、はげしい運動は避けましょう。
- ⑤ Vào ngày tiêm phòng, trẻ có thể sinh hoạt bình thường, nhưng cần tránh các hoạt động thể chất mạnh.

3 予防接種の受け方

3 Cách thức tiêm phòng

定期の予防接種は大阪市委託医療機関で実施しています。予防接種を受ける時は医療機関にあらかじめ申し込んでください。実施医療機関については大阪市のホームページでご確認いただくか、保健福祉センターにお問い合わせください。

Các đợt tiêm phòng định kỳ được thực hiện tại các cơ sở y tế được ủy quyền bởi thành phố Osaka. Khi tiêm phòng, hãy đăng ký trước với cơ sở y tế. Để biết thêm thông tin về các cơ sở thực hiện, hãy kiểm tra trên trang web của thành phố Osaka hoặc liên hệ với Trung tâm Y tế và Phúc lợi.

接種当日は、予診票に必要事項を記入し、医療機関に予防接種手帳と母子健康手帳をお持ちください。医療機関では、医療機関に置いてある「予防接種実施申込書」に記入のうえ、お子さんの体温を測定します。医師の診察により接種できるかどうかを判定します。この結果、接種できる時には保護者の方にサインしていただいてから接種します。当日、発熱などの理由により接種できなかった場合には、お住まいの区の保健福祉センターから予診票の再交付を受け、医療機関から指示された日時に接種を受けてください。

Vào ngày tiêm, hãy điền các thông tin cần thiết vào phiếu khám sàng lọc và mang theo sổ tay tiêm chủng cùng sổ tay sức khỏe mẹ và bé đến cơ sở y tế. Tại cơ sở, bạn sẽ cần điền vào "Đơn đăng ký tiêm chủng" được cung cấp tại đó và đo nhiệt độ cơ thể của trẻ. Bác sĩ sẽ khám và đánh giá xem trẻ có thể tiêm hay không. Nếu kết quả khám cho thấy trẻ có thể tiêm, phụ

huynh sẽ ký xác nhận trước khi tiến hành tiêm. Trong trường hợp không thể tiêm vào ngày hôm đó do sốt hoặc lý do khác, hãy nhận phiếu khám sàng lọc tái cấp từ Trung tâm Y tế và Phúc lợi của quận nơi bạn sống, sau đó thực hiện tiêm vào ngày giờ được chỉ định bởi cơ sở y tế.

4 副反応が起こった場合

4 Xử lý khi xảy ra phản ứng phụ

予防接種を受けたあと、接種部位のひどい腫れ、高熱、けいれんなどの症状がある時は、速やかに医師の診察を受けてください。

Nếu sau khi tiêm phòng xuất hiện tình trạng sưng nghiêm trọng tại vùng tiêm, sốt cao, hoặc co giật, hãy nhanh chóng đưa trẻ đến bác sĩ để được thăm khám ngay lập tức.

5 予防接種健康被害救済制度について

5 Về chế độ bồi thường thiệt hại sức khỏe do tiêm phòng

予防接種は感染症を防ぐために重要なものですが、極めてまれに健康被害の発生がみられます。万が一、定期の予防接種による健康被害が発生した場合、その健康被害が接種を受けたことによるものであると厚生労働大臣が認定した時は救済給付が行われます。給付の申請には、予防接種を受ける前後のカルテなど必要となる書類がありますので、申請する場合は保健福祉センターにご相談ください。

Tiêm phòng là một biện pháp quan trọng để ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm. Tuy nhiên, trong một số trường hợp rất hiếm, có thể xảy ra các tổn hại sức khỏe liên quan đến tiêm phòng. Trong trường hợp tổn hại sức khỏe do tiêm phòng định kỳ xảy ra, nếu Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản xác nhận rằng tổn hại này là do việc tiêm phòng gây ra, chế độ bồi thường thiệt hại sẽ được áp dụng. Để thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường, cần chuẩn bị các tài liệu cần thiết như hồ sơ y tế (trước và sau khi tiêm). Nếu bạn muốn nộp đơn xin bồi thường, vui lòng tham khảo ý kiến tại Trung tâm Y tế và Phúc lợi gần nhất.

6 予防接種の対象となる病気及びワクチンと副反応

6 Các bệnh nằm trong đối tượng tiêm chủng, loại vắc xin và phản ứng phụ

(1) 肺炎球菌による感染症

(1) Bệnh do vi khuẩn phế cầu gây ra

子どもの多くが肺炎球菌を鼻の奥にもっていて、咳やくしゃみなどによってまわりに感染させます。免疫力の低下などにより、菌が体内に侵入すると症状が出ます。重症の場合、髄膜炎、敗血症、肺炎、中耳炎を起こします。肺炎球菌による感染症は5歳未満の乳幼児に多く、特に2歳未満の乳幼児がかかると死亡や、後遺症のリスクが高いと言われています。髄膜炎にかかると2%の子どもが亡くなり、10%に発達や運動障がい、難聴などの後遺症が残

ると言われています。

Nhiều trẻ em mang vi khuẩn phế cầu trong khoang mũi, và chúng có thể lây lan sang người khác thông qua ho hoặc hắt hơi. Khi sức đề kháng suy giảm, vi khuẩn có thể xâm nhập vào cơ thể và gây ra các triệu chứng. Trường hợp nặng có thể dẫn đến viêm màng não, nhiễm khuẩn huyết, viêm phổi hoặc viêm tai giữa. Bệnh do vi khuẩn phế cầu thường xảy ra ở trẻ em dưới 5 tuổi, đặc biệt khi trẻ dưới 2 tuổi mắc phải sẽ có nguy cơ tử vong hoặc di chứng cao hơn. Viêm màng não do phế cầu gây ra có tỷ lệ tử vong 2%, và khoảng 10% trẻ mắc bệnh có thể gặp các di chứng như rối loạn phát triển, khó khăn vận động hoặc mất thính lực.

【小児用肺炎球菌ワクチン】

【Vắc xin phế cầu dành cho trẻ em】

ワクチン接種により、重篤な肺炎球菌感染症にかかるリスクを 95%以上減らすことができると報告されています。

Theo báo cáo, việc tiêm vắc xin có thể giảm hơn 95% nguy cơ mắc các bệnh nhiễm trùng phế cầu nghiêm trọng.

【接種スケジュール】

【Lịch tiêm chủng】

接種を開始する月齢（年齢）により接種回数が 1～4 回と異なります。

Số lần tiêm vắc xin phụ thuộc vào độ tuổi (tháng hoặc năm) khi bắt đầu tiêm chủng.

接種開始時期 Độ tuổi bắt đầu tiêm	回数 Số lần	接種間隔 Khoảng cách giữa các lần tiêm
生後 2～7 か月に至るまで Từ 2 tháng tuổi đến dưới 7 tháng tuổi sau sinh ※標準的な接種年齢 ※Độ tuổi tiêm chủng tiêu chuẩn	4 回 4 lần	初回接種：(標準的には生後 12 か月までに) 27 日以上の間隔をあけて 3 回 Mũi ban đầu: 3 lần với khoảng cách ít nhất 27 ngày (theo chuẩn tiêm trước 12 tháng tuổi). 追加接種：初回接種終了後 60 日以上の間隔をあけた後、かつ生後 12 か月に至った日以降に 1 回 (標準的な接種期間は生後 12～15 か月) Mũi bổ sung: 1 lần sau ít nhất 60 ngày kể từ lần tiêm ban đầu cuối cùng và khi trẻ đã đủ 12 tháng tuổi. ※初回 2 回目及び 3 回目の接種は生後 24 か月に至るまでに行い、それを超えた場合は行わない。(追加接種は実施可能) ※Lần tiêm thứ 2 trong tiêm ban đầu phải thực hiện trước 24 tháng tuổi; sau thời gian này, lần tiêm này sẽ không được thực hiện (nhưng tiêm mũi bổ

		<p>sung vẫn khả thi)</p> <p>※初回 2 回目の接種が生後 12 か月を超えた場合、初回 3 回目の接種は行わない。(追加接種は実施可能)</p> <p>※Nếu mũi tiêm thứ 2 được thực hiện sau 12 tháng tuổi, sẽ không có mũi tiêm thứ 3 (nhưng tiêm mũi bổ sung vẫn khả thi).</p>
<p>生後 7~12 か月に至るまで Từ 7 tháng tuổi đến dưới 12 tháng tuổi sau sinh</p>	<p>3 回 3 lần</p>	<p>初回接種：(標準的には生後 12 か月までに) 27 日以上の間隔をあけて 2 回</p> <p>Mũi ban đầu: 2 lần với khoảng cách ít nhất 27 ngày (theo chuẩn tiêm trước 12 tháng tuổi).</p> <p>追加接種：初回接種終了後 60 日以上の間隔をあけた後、かつ生後 12 か月に至った日以降に 1 回</p> <p>Mũi bổ sung : 1 lần sau ít nhất 60 ngày kể từ lần tiêm ban đầu cuối cùng và khi trẻ đã đủ 12 tháng tuổi.</p> <p>※初回 2 回目の接種は生後 24 か月に至るまでに行い、それを超えた場合は行わない。(追加接種は実施可能)</p> <p>※ Lần tiêm thứ 2 trong tiêm ban đầu phải thực hiện trước 24 tháng tuổi; sau thời gian này, lần tiêm này sẽ không được thực hiện (nhưng tiêm mũi bổ sung vẫn khả thi).</p>
<p>生後 12~24 か月に至るまで Từ 12 tháng tuổi đến dưới 24 tháng tuổi sau sinh</p>	<p>2 回 2 lần</p>	<p>60 日以上の間隔をあける</p> <p>Ít nhất 60 ngày.</p>
<p>生後 24~60 か月に至るまで Từ 24 tháng tuổi đến dưới 60 tháng tuổi sau sinh</p>	<p>1 回 1 lần</p>	

【副反応】

【Phản ứng phụ】

接種部位の発赤、腫れ、しこり、発熱などがみられることがありますが、1~3 日で自然に回復します。極めてまれに、ショック、アナフィラキシー、けいれんなどがあります。

Có thể xuất hiện các triệu chứng như đỏ, sưng, cứng ở vị trí tiêm hoặc sốt, nhưng thường tự hồi phục sau 1 đến 3 ngày. Rất hiếm khi xảy ra các phản ứng nghiêm trọng như sốc, phản ứng dị ứng (quá mẫn cảm), hoặc co giật.

(2) B 型肝炎

(2) Viêm gan B

B 型肝炎ウイルスに感染しておこる肝臓の病気です。ウイルスに汚染された血液や体液

などを介して感染します。感染した時期や健康状態によって、一時的な感染で終わるものと、ほぼ生涯にわたり感染した状態が続くものとに分かれます。10～15%は感染から年月を経て慢性肝炎となり、その後、肝硬変・肝細胞がんを発症することがあります。

Viêm gan B là bệnh về gan do nhiễm virus viêm gan B gây ra. Virus này lây lan qua máu hoặc các chất dịch cơ thể bị nhiễm virus. Tùy thuộc vào thời điểm nhiễm bệnh và tình trạng sức khỏe, có trường hợp chỉ bị nhiễm tạm thời rồi khỏi, có trường hợp bị nhiễm và tiếp tục tình trạng nhiễm bệnh gần như suốt đời. 10-15% trường hợp sẽ phát triển thành viêm gan mãn tính sau nhiều năm nhiễm bệnh, sau đó có thể phát triển thành xơ gan, ung thư tế bào gan.

【B型肝炎ワクチン】

【Vắc-xin viêm gan B】

40歳までのワクチン接種で抗体獲得率は95%と報告されており、抗体を獲得した場合、肝炎発症の予防効果は30年以上続くといわれています。

Theo báo cáo, tỷ lệ đạt được kháng thể khi tiêm vắc-xin trước 40 tuổi là 95%, và nếu đã đạt được kháng thể, hiệu quả phòng ngừa bệnh viêm gan có thể kéo dài hơn 30 năm.

【接種スケジュール】

【Lịch tiêm chủng】

生後1歳に至るまでに、27日以上の間隔をあけて2回接種後、1回目の接種から139日以上の間隔をおいて3回目を接種します。

Trong vòng 1 tuổi, thực hiện tiêm 2 lần với khoảng cách tối thiểu 27 ngày giữa các lần tiêm, sau đó tiêm mũi thứ 3 sau ít nhất 139 ngày kể từ mũi tiêm đầu tiên.

1回目から3回目の接種を終えるまで約半年間かかるため、生後2か月から生後9か月に至るまでの標準的な接種年齢に接種し、1歳になる前に3回の接種を終えるようにしましょう。

Vì cần khoảng nửa năm để hoàn thành 3 mũi tiêm, nên cần bắt đầu tiêm trong độ tuổi chuẩn từ 2 tháng đến 9 tháng và hoàn tất cả 3 lần tiêm trước khi trẻ tròn 1 tuổi.

【副反応】

【Phản ứng phụ】

倦怠感や頭痛及び接種部位の発赤、腫れ、しこりが約10%にみられます。極めてまれに、アナフィラキシー、急性散在性脳脊髄炎などがあります。

Khoảng 10% trường hợp có thể xuất hiện các triệu chứng như mệt mỏi, đau đầu, đỏ, sưng hoặc cứng tại vị trí tiêm. Rất hiếm khi xảy ra các phản ứng nghiêm trọng như phản vệ (sốc phản vệ), hoặc viêm não tủy rải rác cấp tính.

【接種にあたっての注意】

【Lưu ý khi tiêm chủng】

母子感染予防のためB型肝炎ワクチン接種を含む治療を受けたことがあるお子さんは、定期接種の対象となりません。

Những trẻ đã từng được điều trị bao gồm tiêm vắc-xin viêm gan B để phòng ngừa lây truyền từ mẹ sang con sẽ không thuộc đối tượng tiêm chủng định kỳ.

B型肝炎ワクチンは酵母由来のため、酵母に対するアレルギーに注意が必要です。

Vì vắc-xin viêm gan B có nguồn gốc từ men, cần chú ý đến khả năng dị ứng với men.

接種後に発熱、発疹、じんましん、かゆみなどが現れることがあり、よく観察することが必要です。

Sau khi tiêm, có thể xuất hiện sốt, phát ban, nổi mề đay, ngứa, vì vậy cần quan sát cẩn thận.

(3) ロタウイルス感染症

(3) Bệnh nhiễm rotavirus

ロタウイルス胃腸炎は乳幼児期にかかりやすい急性胃腸炎です。感染力が非常に強く、手洗いや消毒などをしっかりしても感染を予防することが難しいため、5歳までにほとんどすべての子どもが感染します。ロタウイルス胃腸炎の多くは突然のおう吐、発熱に続き下痢を認めます。ロタウイルス自体に効く薬はありませんが、ほとんどの場合は1週間ほどで自然に回復します。重症化すると脱水症状や、けいれん、腎不全、脳炎などをまれに合併することがあります。初めての感染は特に重症化しやすいので、できるだけ早くワクチン接種を完了し、重症化を予防しましょう。

Viêm dạ dày ruột do rotavirus là bệnh viêm dạ dày ruột cấp tính thường gặp ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Virus này có khả năng lây nhiễm rất cao, do đó việc ngăn ngừa lây nhiễm dù rửa tay hay khử trùng cẩn thận cũng rất khó khăn. Hầu hết trẻ em đều nhiễm virus này trước 5 tuổi. Phần lớn các trường hợp viêm dạ dày ruột do rotavirus xuất hiện với các triệu chứng như nôn mửa đột ngột, sốt, sau đó là tiêu chảy. Hiện không có thuốc đặc trị cho rotavirus, nhưng hầu hết sẽ tự hồi phục trong khoảng một tuần. Trong trường hợp bệnh nặng, có thể xảy ra mất nước, co giật, suy thận hoặc viêm não, tuy hiếm gặp. Đặc biệt, lần nhiễm đầu tiên dễ trở nên nghiêm trọng, vì vậy hãy hoàn thành tiêm vắc-xin càng sớm càng tốt để ngăn ngừa tình trạng nghiêm trọng.

【ロタウイルスワクチン】

【Vắc-xin Rotavirus】

経口の生ワクチンです。ロタリックスとロタテックがあります。どちらか1種類を接種してください。2種類とも予防効果や安全性に差はありません。

Đây là vắc-xin sống được dùng qua đường uống. Có hai loại vắc-xin là Rotarix và RotaTeq. Vui lòng chỉ chọn tiêm một trong hai loại. Không có sự khác biệt về hiệu quả phòng ngừa hay độ an toàn giữa hai loại vắc-xin.

【接種スケジュール】

【Lịch tiêm chủng】

① ロタリックス

① Rotarix

出生 6 週 0 日後から初回接種を開始し、27 日以上の間隔をおいて生後 24 週 0 日後までの間に 2 回経口接種します。

Бắt đầu tiêm lần đầu sau 6 tuần kể từ ngày sinh, thực hiện tiêm hai lần qua đường uống với khoảng cách ít nhất 27 ngày. Hoàn tất tiêm trước 24 tuần kể từ ngày sinh.

② ロタテック

② RotaTeq

生後 6 週 0 日後から初回接種を開始し、27 日以上の間隔をおいて生後 32 週 0 日後までの間に 3 回経口接種します。

Бắt đầu tiêm lần đầu sau 6 tuần kể từ ngày sinh, thực hiện tiêm ba lần qua đường uống với khoảng cách ít nhất 27 ngày. Hoàn tất tiêm trước 32 tuần kể từ ngày sinh.

ワクチンの種類によって接種回数が異なりますが、標準的な接種スケジュールとして、初回接種は生後 2 か月から出生 14 週 6 日後までに完了してください。

Мặc dù số lần tiêm khác nhau tùy thuộc vào loại vắc-xin, theo lịch trình tiêu chuẩn, hãy hoàn thành mũi tiêm đầu tiên trong khoảng từ 2 tháng tuổi đến 14 tuần 6 ngày tuổi sau khi sinh.

【接種にあたっての注意】

【Lưu ý khi tiêm vắc-xin】

接種前に授乳に関する制限はありませんが、接種後の吐き出しを避けるために接種前 (30 分以内) は授乳を控えることをおすすめします。

Trước khi tiêm không có hạn chế về việc cho trẻ bú, nhưng để tránh trẻ nôn trớ sau khi tiêm, khuyến khích không cho trẻ bú trong vòng 30 phút trước khi tiêm.

ロタウイルスワクチンは、重症複合免疫不全症 (SCID) の方への接種ができません。SCID は生まれつきの免疫の異常により、感染症にかかりやすくなるまれな病気です。慢性の下痢、繰り返す重症感染症、体重増加不良などの症状がみられる場合は注意が必要です。大阪市は国の実証事業 (令和 6 年 3 月開始～令和 8 年 3 月終了予定) に参加しており、SCID は生後 4 から 6 日目の赤ちゃんを対象に行う新生児マススクリーニング検査で調べることができます。詳しくは分娩取扱医療機関等にお問い合わせください。

Vắc-xin rotavirus không thể tiêm cho những người mắc bệnh suy giảm miễn dịch kết hợp

nghiêm trọng (SCID). SCID là một bệnh hiếm gặp do bất thường bẩm sinh về miễn dịch, làm tăng nguy cơ nhiễm trùng. Nếu có các triệu chứng như tiêu chảy mãn tính, nhiễm trùng nặng lặp đi lặp lại, không tăng cân, cần lưu ý cẩn thận. Thành phố Osaka đang tham gia dự án thực nghiệm quốc gia (bắt đầu từ tháng 3 năm 2024 và dự kiến kết thúc vào tháng 3 năm 2026), trong đó SCID có thể được phát hiện thông qua xét nghiệm sàng lọc sơ sinh dành cho trẻ từ 4 đến 6 ngày tuổi. Vui lòng liên hệ với cơ sở y tế nơi sinh để biết thêm chi tiết.

※ロタウイルスワクチン接種にあたり、SCIDの検査は必須ではありません。

※Lưu ý: Xét nghiệm SCID không bắt buộc trước khi tiêm vắc-xin rotavirus.

【予防接種を受けた後の注意】

【Lưu ý sau khi tiêm phòng】

接種後、吐き出してしまっても、わずかでも飲み込んでいれば、再接種の必要はありません。

Sau khi tiêm, nếu trẻ bị nôn trớ nhưng vẫn nuốt được một ít, không cần thiết phải tiêm lại. 接種を受けてから1～2週間は腸重積症のリスクが通常より高まるという研究報告があります。主な症状は「突然激しく泣く」「機嫌がよかったり不機嫌になったりを繰り返す」「嘔吐する」「イチゴゼリー状の血が混ざったねっとりとした便が出る」「ぐったりして顔色が悪い」などです。症状がひとつでもみられる場合やいつもと様子が違う場合は速やかに医療機関を受診してください。

Có nghiên cứu cho thấy nguy cơ mắc bệnh lồng ruột cao hơn trong 1-2 tuần sau khi tiêm. Các triệu chứng chính như trẻ khóc dữ dội đột ngột, trẻ thay đổi tâm trạng liên tục, lúc vui vẻ, lúc khó chịu, nôn mửa, phân lẫn máu đỏ như thạch đậu tây, trẻ mệt mỏi, sắc mặt nhợt nhạt, v.v. Nếu trẻ có một trong các triệu chứng trên hoặc biểu hiện khác thường, hãy nhanh chóng đưa trẻ đến cơ sở y tế.

ワクチン接種後1週間ほどは便中にウイルスが含まれることがあります。おむつ交換後は流水と石けんでていねいに手洗いをしてください。

Trong khoảng 1 tuần sau khi tiêm, virus có thể xuất hiện trong phân của trẻ. Hãy rửa tay cẩn thận bằng xà phòng và nước sau mỗi lần thay tã.

* 腸重積症とは

* Bệnh lồng ruột là gì

腸が腸に入り込み閉塞状態になることです。0歳児の場合、ロタウイルスワクチンを接種しなくても起こる病気で、生後3～4か月から月齢が上がるにつれて多くなります。この時期と重ならないようにするためにも、このワクチンは早く接種を完了してください。腸重積症は手術が必要になることもありますが、発症後、早く治療すれば、ほとんどの場合は手術をせずに治療できます。

Lồng ruột là tình trạng một phần ruột chui vào phần ruột kế bên, gây tắc nghẽn. Ở trẻ dưới 1 tuổi, bệnh này có thể xảy ra ngay cả khi không tiêm vắc-xin rotavirus. Tỷ lệ mắc bệnh tăng từ 3-4 tháng tuổi trở lên. Để tránh giai đoạn nguy cơ cao trùng với thời điểm tiêm phòng, hãy hoàn thành tiêm vắc-xin sớm. Lồng ruột đôi khi cần phẫu thuật, nhưng nếu được điều trị sớm, hầu hết các trường hợp có thể chữa khỏi mà không cần phẫu thuật.

【副反応】

【Phản ứng phụ】

下痢、嘔吐、ぐずり、咳・鼻水、発熱などが出る場合がありますが、通常は数日でおさまります。高熱やけいれんなどの異常や、腸重積症の症状がある場合は医療機関で受診してください。

Có thể xuất hiện các triệu chứng như tiêu chảy, nôn mửa, quấy khóc, ho, sổ mũi, sốt,... nhưng thông thường sẽ giảm trong vài ngày. Trong trường hợp sốt cao, co giật hoặc có các triệu chứng bất thường như lồng ruột, hãy đến cơ sở y tế để được kiểm tra.

(4) ジフテリア・百日せき・破傷風・ポリオ（急性灰白髄炎）・ヒブ

(4) Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, Bại liệt (Viêm tủy xám cấp tính), và Hib

◎ジフテリア

◎Bạch hầu

ジフテリア菌が含まれた咳やくしゃみなどの飛沫を吸い込み、咽頭、鼻に感染します。症状は高熱、喉の痛み、犬が吠えるような咳、嘔吐などです。発症 2~3 週間後には心筋障がいや神経麻痺をおこすことがあります。

Bệnh lây nhiễm qua việc hít phải các giọt bắn chứa vi khuẩn bạch hầu từ ho hoặc hắt hơi. Vi khuẩn này gây nhiễm trùng ở họng và mũi. Triệu chứng bao gồm: sốt cao, đau họng, ho khàn (giống tiếng chó sủa), nôn mửa,... Sau khi phát bệnh 2-3 tuần, có thể xảy ra biến chứng nghiêm trọng như tổn thương cơ tim hoặc liệt thần kinh.

◎百日せき

◎Ho gà

百日せき菌を含む咳やくしゃみなどの飛沫を吸い込むことで感染します。感染してから症状が出るまでの期間は 7~10 日です。百日せきは風邪のような症状ではじまり、咳がひどくなり、顔を真っ赤にして連続的に咳込むようになります。咳の後、急に息を吸い込むので笛を吹くような音がでることがあります。乳幼児は咳で呼吸ができず、くちびるが青くなったり、けいれんを起こすこともあります。

Bệnh lây nhiễm qua việc hít phải các giọt bắn chứa vi khuẩn ho gà từ ho hoặc hắt hơi. Thời gian ủ bệnh (từ khi nhiễm đến khi xuất hiện triệu chứng) là từ 7-10 ngày. Triệu chứng ban

đầu giống cảm lạnh, sau đó ho trở nên nghiêm trọng, ho liên tục đến mức đỏ mặt. Sau khi ho, người bệnh có thể phát ra âm thanh như tiếng huyết sáo do hít vào đột ngột. Ở trẻ sơ sinh, cơn ho có thể khiến trẻ không thở được, dẫn đến môi tím tái hoặc co giật.

合併症としては肺炎や脳症があり、新生児や乳児がかかると重症となり、生後 6 か月未満で発症すると亡くなってしまうこともあります。

Biến chứng: Viêm phổi và viêm não. Bệnh trở nên nghiêm trọng nếu trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ mắc phải, đặc biệt là dưới 6 tháng tuổi, và có thể gây tử vong.

◎破傷風

◎Uốn ván

破傷風は人から人に感染するのではなく、土の中にいる菌が傷口から入ることで感染します。軽い傷でも感染することがあります。感染すると菌の出す毒素で口が開かなくなったり、けいれんを起こしたり、呼吸筋が麻痺して呼吸ができなくなったりすることがあります。

Uốn ván không lây từ người sang người mà do vi khuẩn trong đất xâm nhập qua vết thương. Ngay cả vết thương nhẹ cũng có nguy cơ nhiễm bệnh. Khi nhiễm, độc tố của vi khuẩn có thể gây ra các triệu chứng như hàm cứng (không thể mở miệng), co giật, liệt cơ hô hấp, dẫn đến không thể thở.

日本中のどこにでも破傷風菌はいますので、毎年 100 人以上の患者が発生しています。

Tại Nhật Bản, vi khuẩn uốn ván tồn tại ở khắp nơi, và mỗi năm có hơn 100 ca bệnh được ghi nhận.

◎ポリオ（急性灰白髄炎）

◎Bại liệt（Viêm tủy xám cấp tính）

ポリオウイルスは人から人へ感染します。便中に排泄されたウイルスが間接的に他の人の口から入り感染します。感染者の 90～95%は病気としての症状が出ずに終生免疫を獲得します。感染者の 5%は軽い発熱、頭痛、嘔吐があらわれ、1～2%には髄膜炎がみられます。ウイルスが脳・脊髄へ感染すると筋肉に麻痺をおこし、運動機能に後遺症を残したり呼吸困難で死亡したりすることもあります。

Bệnh do virus bại liệt lây từ người sang người. Virus từ phân người bệnh có thể gián tiếp xâm nhập vào miệng người khác. 90–95% số người nhiễm không có triệu chứng và tự hình thành miễn dịch suốt đời. Khoảng 5% người nhiễm có triệu chứng nhẹ như sốt, đau đầu, buồn nôn, 1–2% bệnh nhân có thể bị viêm màng não. Nếu virus lây lan đến não hoặc tủy sống, có thể gây liệt cơ, để lại di chứng về vận động hoặc dẫn đến tử vong do khó thở.

◎ヒブによる感染症（Hib）

◎Bệnh do Hib gây ra（Haemophilus influenzae type b）

Hibは咳やくしゃみなどの飛沫を吸い込んで感染します。菌は鼻や喉で増えますが、そのほとんどは症状を起こしません。しかし、血液の中に入り込むと、細菌性髄膜炎や心膜炎、肺炎、敗血症などを起こします。

Bệnh lây nhiễm qua việc hít phải các giọt bắn chứa vi khuẩn Hib từ ho hoặc hắt hơi. Vi khuẩn thường phát triển ở mũi và họng mà không gây triệu chứng. Tuy nhiên, khi xâm nhập vào máu, vi khuẩn có thể gây ra viêm màng não do vi khuẩn, viêm màng tim, viêm phổi, nhiễm trùng máu (nhiễm khuẩn huyết).

Hibによる髄膜炎は、発熱、頭痛、嘔吐、けいれんなどの症状で始まり、重症化しやすく、治療しても予後不良となる場合があります。5歳未満の乳幼児に多く、治療を受けても約5%が亡くなり、約25%にてんかん・難聴・発育障がいなどの後遺症が残るといわれています。

Triệu chứng của viêm màng não do Hib: Sốt, đau đầu, buồn nôn, co giật,... Bệnh dễ trở nặng và dù được điều trị, vẫn có trường hợp tiên lượng xấu. Bệnh thường xảy ra ở trẻ dưới 5 tuổi, dù được chữa trị vẫn có khoảng 5% trẻ mắc bệnh tử vong, và 25% để lại di chứng như động kinh, điếc, hoặc chậm phát triển về thể chất.

【5種混合DPT-IPV-Hib [ジフテリア・百日せき・破傷風・ポリオ(急性灰白髄炎)・ヒブ]ワクチン】

【Vắc-xin phối hợp 5 trong 1 DPT-IPV-Hib (Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, Bại liệt, Hib)】

国内の臨床試験では、初回3回の接種を受けた人はジフテリア、百日せき、破傷風、ポリオについてほぼ100%の抗体獲得が認められています。

Trong các thử nghiệm lâm sàng trong nước, gần như 100% người tiêm đủ 3 liều đầu tiên đều hình thành kháng thể với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván và bại liệt.

【接種スケジュール】

【Lịch trình tiêm chủng】

種類 Loại		回数 Số lần tiêm	接種方法、間隔 Phương pháp và khoảng cách giữa các lần tiêm
1期 Giai đoạn 1	初回 Lần đầu	3回 3 lần	20日以上（標準的には20日から56日まで）の間隔をあけて3回接種 Tiêm 3 lần với khoảng cách tối thiểu 20 ngày (khuyến nghị từ 20 đến 56 ngày) giữa các lần tiêm.
	追加 Bổ sung	1回 1 lần	初回接種終了後6か月以上〔標準的には初回接種終了後6か月から（4種 混合は12か月から）18か月の間〕の間隔をあけて1回 Tiêm 1 lần sau ít nhất 6 tháng kể từ khi hoàn thành các mũi ban đầu (Khuyến nghị từ 6 đến 18 tháng).
2期 Giai đoạn 2		1回 1 lần	〔使用ワクチン〕DT（ジフテリア・破傷風） 11歳以上13歳未満で1回接種 Tiêm 1 lần cho trẻ từ 11 đến dưới 13 tuổi với vắc-xin DT (Bạch hầu và Uốn ván).

【副反応】

【Phản ứng phụ】

接種部位に、発赤、腫れ、しこり、全身的な副反応として発熱、下痢、鼻水、咳、発しん、食欲減退、咽頭発赤、嘔吐などがあります。

Tại vị trí tiêm, có thể xuất hiện ban đỏ, sưng, cục cứng. Các phản ứng phụ toàn thân có thể bao gồm sốt, tiêu chảy, sổ mũi, ho, phát ban, chán ăn, đỏ họng, nôn mửa, v.v.

極めてまれに、ショック、アナフィラキシー、血小板減少性紫斑病、脳症、けいれんなどがあります。

Rất hiếm khi có thể xảy ra sốc, phản vệ, ban xuất huyết giảm tiểu cầu, viêm não, co giật, v.v.

【ヒブワクチン】

【Vắc-xin Hib】

ワクチン接種により、髄膜炎などの重篤なヒブの感染症にかかるリスクを 95%以上減らすことができるかと報告されています。

Có báo cáo rằng việc tiêm vắc-xin có thể giảm hơn 95% nguy cơ mắc các bệnh nhiễm trùng Hib nghiêm trọng như viêm màng não.

【接種スケジュール】

【Lịch tiêm chủng】

接種を開始する月齢により接種回数が 1～4 回と異なります。

Số lần tiêm chủng khác nhau từ 1 đến 4 lần tùy theo tháng tuổi bắt đầu tiêm.

接種開始時期 Thời điểm bắt đầu tiêm	回数 Số lần tiêm	接種間隔 Khoảng cách giữa các lần tiêm
生後2～7か月に至るまで Từ 2 đến 7 tháng tuổi ※標準的な接種年齢 ※ Độ tuổi tiêm chủng tiêu chuẩn	4回 4 lần	初回接種：27日（医師が必要と認める時は20日）以上（標準的には56日まで）の間隔をあけて3回 Mũi ban đầu: 3 lần, mỗi lần cách nhau ít nhất 27 ngày (trong trường hợp bác sĩ xác định cần thiết, có thể là 20 ngày), tiêu chuẩn là tối đa 56 ngày. 追加接種：初回接種終了後7か月以上（標準的には13か月まで）の間隔をあけて1回 Mũi bổ sung: 1 lần, ít nhất 7 tháng sau khi hoàn thành tiêm chủng ban đầu (tiêu chuẩn là tối đa 13 tháng). ※初回2回目及び3回目の接種は、生後12か月に至るまでに行い、それを超えた場合は行わない。この場合、追加接種は可能であるが、初回接種終了後、27日（医師が必要と認めるときは20日）以上の間隔をあけて1回行う。

		<p>※ Mũi tiêm thứ 2 và thứ 3 của lần tiêm ban đầu phải được hoàn thành trước 12 tháng tuổi, nếu quá thời hạn này thì không được tiêm. Trong trường hợp này, mũi tiêm nhắc lại vẫn có thể được thực hiện, nhưng phải tiêm ít nhất 27 ngày sau khi hoàn thành tiêm ban đầu (trong trường hợp bác sĩ xác định cần thiết, có thể là 20 ngày).</p>
<p>生後7~12か月に至るまで Từ 7 đến 12 tháng tuổi</p>	<p>3回 3 lần</p>	<p>初回接種：27日（医師が必要と認める時は20日）以上（標準的には56日まで）の間隔をあけて2回</p> <p>Mũi ban đầu: 2 lần, mỗi lần cách nhau ít nhất 27 ngày (trong trường hợp bác sĩ xác định cần thiết, có thể là 20 ngày), tiêu chuẩn là tối đa 56 ngày.</p> <p>追加接種：初回接種終了後7か月以上（標準的には13か月まで）の間隔をあけて1回</p> <p>Mũi bổ sung: 1 lần, ít nhất 7 tháng sau khi hoàn thành tiêm chủng ban đầu (tiêu chuẩn là tối đa 13 tháng).</p> <p>※初回2回目の接種は、生後12か月に至るまでに行い、それを超えた場合は行わない。この場合、追加接種は可能であるが、初回接種終了後、27日（医師が必要と認める時は20日）以上の間隔をあけて1回行う。</p> <p>※ Mũi tiêm thứ 2 của lần tiêm ban đầu phải được hoàn thành trước 12 tháng tuổi, nếu quá thời hạn này thì không được tiêm. Trong trường hợp này, mũi tiêm nhắc lại vẫn có thể được thực hiện, nhưng phải tiêm ít nhất 27 ngày sau khi hoàn thành tiêm ban đầu (trong trường hợp bác sĩ xác định cần thiết, có thể là 20 ngày).</p>
<p>生後12~60か月に至るまで Từ 12 đến 60 tháng tuổi</p>	<p>1回 1 lần</p>	

【副反応】

【Phản ứng phụ】

接種部位の発赤、腫れ、しこり、発熱、不機嫌になる、などがみられますが、数日中には回復します。極めてまれに、ショック、アナフィラキシー、血小板減少性紫斑病、けいれんなどがあります。

Tại vị trí tiêm có thể xuất hiện ban đỏ, sưng, cục cứng, sốt hoặc quấy khóc, nhưng thường hồi phục trong vài ngày. Rất hiếm khi có thể xảy ra sốc, phản vệ, ban xuất huyết giảm tiểu cầu, co giật, v.v.

(5) 結核

(5) Bệnh lao

たんの中に結核菌をもつ患者が、咳・くしゃみをした時に、菌が空気中に飛び散り、これを吸い込むことによって感染します。結核菌が身体の中に入ってもほとんどの人は無症状です。過労や病気などで抵抗力が弱ってくると発病することがあります。乳幼児が大量の菌を一度に吸い込むと、肺だけでなく全身性の結核にかかったり、重い後遺症を残したりすることがあります。

Bệnh lao lây nhiễm khi vi khuẩn lao trong đờm của người bệnh phát tán vào không khí qua ho hoặc hắt hơi và được người khác hít vào.

Hầu hết những người nhiễm vi khuẩn lao không có triệu chứng. Tuy nhiên, khi sức đề kháng suy giảm do căng thẳng hoặc bệnh tật, bệnh có thể bùng phát. Nếu trẻ sơ sinh hít phải một lượng lớn vi khuẩn lao cùng lúc, không chỉ phổi mà còn có thể bị lao toàn thân, để lại di chứng nghiêm trọng.

結核の患者数は以前よりも大幅に減少したものの、現在でも患者の発生はあり、決して過去の病気ではありません。

Số ca bệnh lao đã giảm đáng kể so với trước đây, nhưng vẫn còn xuất hiện, vì vậy bệnh lao không phải là một căn bệnh đã thuộc về quá khứ.

【BCG ワクチン】

【Vắc-xin BCG】

生ワクチンです。

Đây là vắc-xin sống.

BCG ワクチンをスポイトで腕におとし、スタンプ方式で 2 か所に押しつけるように接種します。

Vắc-xin BCG được nhỏ lên cánh tay bằng ống nhỏ giọt và tiêm bằng phương pháp đập hai điểm trên da.

接種により、結核の発症を 52~74%、重篤な髄膜炎や全身性の結核の発症を 64~78% 予防し、一度接種すればその効果は 10~15 年程度続くと考えられています。

Việc tiêm vắc-xin giúp ngăn ngừa từ 52–74% nguy cơ mắc bệnh lao, từ 64–78% nguy cơ mắc lao màng não hoặc lao toàn thân nghiêm trọng. Hiệu quả của vắc-xin có thể kéo dài khoảng 10–15 năm chỉ với một lần tiêm.

【接種スケジュール】

【Lịch tiêm chủng】

生後 1 歳に至るまで、標準的には生後 5 か月から 8 か月に達するまでの間に 1 回接種します。

Vắc-xin được tiêm một lần trước khi trẻ tròn 1 tuổi, tiêu chuẩn là trong khoảng từ 5 đến 8 tháng tuổi.

【接種にあたっての注意】 ※詳しくは医療機関の指示に従ってください

【Lưu ý khi tiêm chủng】 ※Chi tiết vui lòng tuân theo hướng dẫn của cơ sở y tế

- ①保護者の髪やマフラー等が接種部位に触れないようにします。
- ①Tránh để tóc, khăn quàng cổ của người giám hộ chạm vào vị trí tiêm.
- ②接種する側の腕が露出しやすいような服装にします。服を脱がせる可能性もあります。
- ②Cho trẻ mặc trang phục dễ dàng để lộ cánh tay cần tiêm. Có thể cần cởi áo của trẻ.
- ③接種時にお子さんが動かないように固定します。
- ③Giữ cố định trẻ để tránh cử động trong khi tiêm.
- ④接種後は接種液が自然に乾燥するまで医療機関内で待機します。待機中は接種部位に手や服が触れないよう注意し、出血をふきとったり、もんだりしないでください。
- ④Sau khi tiêm, ở lại cơ sở y tế cho đến khi dung dịch tiêm khô tự nhiên. Trong thời gian chờ, không để tay hoặc quần áo chạm vào vị trí tiêm, không lau máu, không xoa bóp khu vực tiêm.

【接種後の通常の経過】

【Diễn biến thông thường sau khi tiêm】

B C G接種後2週間頃に針のあとが赤く膨らみ、接種後4～6週間頃に最も赤くなります。膿を持ったり、浸出液がでることがありますが、針のあとをこすったり、絆創膏を貼ったりせずに清潔に保ってください。接種後2～3か月で針のあとがかさぶたになり、かさぶたがとれた後は痕が残ります。針のあとの赤みは少しずつ薄くなり、接種後1年くらいで目立たなくなります。

Khoảng 2 tuần sau khi tiêm BCG, vết tiêm có thể sưng đỏ. Khoảng 4–6 tuần sau, vết tiêm sẽ trở nên đỏ nhất, có thể có mủ hoặc dịch tiết ra. Không chà xát vết tiêm hoặc dán băng keo lên, mà hãy giữ sạch sẽ. Sau 2–3 tháng, vết tiêm sẽ đóng vảy và khi vảy bong ra sẽ để lại sẹo. Độ đỏ của vết tiêm sẽ mờ dần và gần như không còn thấy rõ sau khoảng 1 năm.

【コッホ現象】

【Hiện tượng Koch】

B C G接種後、通常よりも早い時期（10日以内、多くは2～3日後）に接種した場所が赤く腫れたり、膿を持つことがあります。これをコッホ現象といいます。この現象はすでに結核に感染している子どもがB C G接種を受けた場合にみられる反応です。コッホ現象と思われる反応がみられた場合には、結核感染の確認のために必要な検査などを行いますので、必ず、すみやかに接種を受けた医療機関へ相談してください。

Trong vòng 10 ngày sau khi tiêm BCG (thường là 2–3 ngày), nếu vị trí tiêm sưng đỏ hoặc có mủ sớm hơn bình thường, đây có thể là hiện tượng Koch. Hiện tượng này xảy ra khi trẻ đã bị nhiễm lao trước khi tiêm vắc-xin. Nếu có dấu hiệu này, cần đến ngay cơ sở y tế để thực hiện

các xét nghiệm cần thiết để xác định tình trạng nhiễm lao.

【副反応】

【Phản ứng phụ】

1%以下の割合で、接種後 4～6 週間目に接種した側のわきのリンパ節が腫れることがあります。通常は自然になおるのでそのまま様子をみてかまいません。3 cm以上の大きさに腫れたり、化膿して自然にやぶれて膿が出たりした時は、接種を受けた医療機関へ相談してください。極めてまれにアナフィラキシー、BCG感染症（髄膜炎、骨炎など）などがみられません。

Khoảng dưới 1% số trường hợp, 4-6 tuần sau khi tiêm, hạch bạch huyết ở nách bên tiêm có thể sưng. Trường hợp này thường tự khỏi và có thể theo dõi mà không cần điều trị. Tuy nhiên, nếu hạch sưng to hơn 3 cm, có mủ và tự vỡ ra, hãy đến cơ sở y tế để được tư vấn.

Rất hiếm khi xảy ra phản vệ, nhiễm trùng BCG (như viêm màng não, viêm xương, v.v.).

(6) 麻しん・風しん

(6) Bệnh sởi – Bệnh rubella

◎麻しん

◎Bệnh sởi

麻しんウイルスの空気感染（ウイルスが空気中に広がり、人に感染すること）、飛沫感染（咳やくしゃみなどにより感染すること）、接触感染によっておこる病気です。感染してから症状が出るまでの期間は 10～12 日で、感染力が強く、免疫のない人が感染するとほぼ 100% かかる病気です。発熱、咳、鼻水、めやに、発しんを主な症状とします。最初 3～4 日間は 38℃前後の熱が出ますが一時的に下がり、再び 39～40℃の高熱と発しんが出ます。高熱は 3～4 日で解熱し、次第に発しんも消失します。発熱する 1 日前から解熱後 3 日までは他の人に感染させると言われています。

Bệnh sởi do virus sởi gây ra và lây truyền qua không khí (virus phát tán trong không khí và lây nhiễm cho người), giọt bắn (lây qua ho, hắt hơi) và tiếp xúc trực tiếp. Thời gian ủ bệnh từ khi nhiễm đến khi xuất hiện triệu chứng là 10-12 ngày. Bệnh có tính lây nhiễm rất cao, người chưa có miễn dịch gần như 100% bị mắc bệnh nếu tiếp xúc với virus. Các triệu chứng chính bao gồm: sốt, ho, sổ mũi, chảy ghèn mắt, phát ban. Trong 3-4 ngày đầu, sốt khoảng 38℃, sau đó giảm tạm thời. Tiếp theo, sốt cao 39-40℃ kèm phát ban. Sốt cao kéo dài khoảng 3-4 ngày rồi hạ dần, phát ban cũng mờ đi. Bệnh có thể lây từ 1 ngày trước khi sốt đến 3 ngày sau khi hạ sốt.

主な合併症としては、気管支炎、中耳炎、肺炎、脳炎があり、脳炎は 1,000 人に 1～2 人で、慢性に経過する脳炎 (SSPE) は 10 万人に 1～2 人発生します。麻しんにかかった人は 1,000 人に 1 人の割合で死亡します。

Các biến chứng chính gồm: viêm phế quản, viêm tai giữa, viêm phổi, viêm não. Viêm não xảy ra với tỷ lệ 1-2 trên 1.000 ca bệnh. Viêm não xơ cứng bán cấp tiến triển (SSPE) có tỷ lệ 1-2 trên 100.000 ca bệnh. Tỷ lệ tử vong do bệnh sởi là 1 trên 1.000 ca bệnh.

◎風しん

◎Bệnh rubella

咳やくしゃみにより風しんウイルスの飛沫を吸い込むことによりおこる病気です。感染してから症状が出るまでの期間は2~3週間です。軽い風邪症状で始まり、発しん、発熱、首や耳の下のリンパの腫れ、目の充血などを主な症状とします。

Bệnh rubella lây truyền qua giọt bắn từ người bệnh khi ho hoặc hắt hơi. Thời gian ủ bệnh từ khi nhiễm đến khi phát bệnh là 2-3 tuần. Bệnh thường bắt đầu với các triệu chứng cảm nhẹ, sau đó xuất hiện phát ban, sốt, sưng hạch bạch huyết ở cổ và dưới tai, đỏ mắt.

合併症として、関節痛、血小板減少性紫斑病、脳炎などが報告されています。年長児や大人になってからかかると一般的に重症化しやすいと言われています。

Các biến chứng có thể bao gồm đau khớp, ban xuất huyết giảm tiểu cầu, viêm não. Nếu mắc bệnh ở tuổi lớn hoặc khi trưởng thành, triệu chứng thường nặng hơn.

妊娠 20 週頃までの妊婦がかかると、先天性心疾患、白内障、難聴などの子どもが生まれる可能性が高くなります。そのため、女性は妊娠前に予防接種を受けておくことが大切です。また、男性も風しんにかかって周囲の妊婦に感染させないために、風しんの既往の確認や予防接種について考慮する必要があります。

Nếu mắc rubella trước 20 tuần thai kỳ, nguy cơ sinh con mắc bệnh tim bẩm sinh, đục thủy tinh thể, điếc rất cao. Vì vậy, phụ nữ nên tiêm phòng trước khi mang thai. Ngoài ra, nam giới cũng nên kiểm tra tiền sử mắc bệnh hoặc tiêm phòng để tránh lây nhiễm cho phụ nữ mang thai xung quanh.

【MR（麻しん・風しん）ワクチン】

【Vắc-xin MR (Sởi - Rubella)】

生ワクチンです。ワクチンを接種するとおよそ 95%の人が抗体を獲得します。

Đây là vắc-xin sống. Khoảng 95% số người được tiêm sẽ có kháng thể bảo vệ.

【接種スケジュール】

【Lịch tiêm chủng】

1期は生後 12 か月から 24 か月までですが、1歳になったらできるだけ早く接種しましょう。また、2期は5歳以上7歳未満であって小学校就学前の1年間です。

Giai đoạn 1, khi trẻ từ 12 tháng đến 24 tháng tuổi, nên tiêm càng sớm càng tốt sau khi tròn 1 tuổi. Giai đoạn 2, kéo dài một năm trước khi vào tiểu học, khi trẻ từ trên 5 đến dưới 7 tuổi.

お母さんが次の子どもを妊娠している時でも、お子さんは接種を受けることができます。
Ngày cả khi mẹ đang mang thai em bé tiếp theo, con vẫn có thể được tiêm vắc-xin này.

【接種にあたっての注意】

【Lưu ý khi tiêm chủng】

輸血又はガンマグロブリン製剤の投与を受けた人は、3か月以上過ぎてからMRワクチンを接種してください。血液又はガンマグロブリンに含まれる麻しんに対する抗体により、ワクチンの効果が弱くなる可能性があるためです。また、川崎病などの治療でガンマグロブリン製剤の大量療法（200mg/kg 以上）を受けた人も同様の考え方で6か月以上（麻しん感染の危険性が低い場合は11か月以上）接種を延期してください。

Nếu trẻ đã được truyền máu hoặc tiêm gamma globulin, cần đợi ít nhất 3 tháng mới được tiêm vắc-xin MR. Nguyên nhân là do kháng thể sởi có trong máu hoặc gamma globulin có thể làm giảm hiệu quả của vắc-xin. Nếu trẻ đã được điều trị bệnh Kawasaki hoặc sử dụng gamma globulin liều cao ($\geq 200\text{mg/kg}$), cần trì hoãn tiêm chủng ít nhất 6 tháng, hoặc 11 tháng nếu nguy cơ mắc bệnh sởi thấp.

【副反応】

【Tác dụng phụ】

主な副反応は発熱と発しんです。1回目の接種後2週間以内にみられますが、1～3日で治ります。2回目の接種では発熱や発しんの頻度は極めて低くなります。まれに脳炎や脳症が100万～150万人に1人以下の頻度で起こることがあります。

Sốt và phát ban là tác dụng phụ phổ biến, thường xuất hiện trong vòng 2 tuần sau tiêm và tự khỏi sau 1-3 ngày. Sau mũi 2, tỷ lệ sốt và phát ban thấp hơn nhiều. Rất hiếm khi xảy ra viêm não hoặc viêm não cấp, với tỷ lệ dưới 1/1.000.000 đến 1/1.500.000 ca.

(7) 水痘

(7) Bệnh thủy đậu

水痘帯状疱疹ウイルスの空気感染（ウイルスが空気中に広がり、人に感染すること）、飛沫感染（咳やくしゃみなどにより感染すること）、接触感染によっておこる、感染力が強い病気です。感染してから症状がでるまでの期間は約2週間です。主な症状は発しん、発熱です。発しんは顔や胸、腹部、頭部に現れ、赤みから始まり、水疱、膿疱（粘度のある液体が含まれる）を経てかさぶたになり治癒します。一般に水疱の数は症状が出てから数日以内に250～500個以上に達します。発熱は通常38℃前後で2～3日続きます。40℃を超えることもあり、その際に熱性けいれんを合併することがあります。主な合併症としては、肺炎、気管支炎、肝炎、皮膚の細菌感染症、心膜炎、小脳炎、髄膜脳炎、血小板減少性紫斑病があります。

Thủy đậu là bệnh có khả năng lây nhiễm rất cao, do virus Varicella-Zoster (VZV) gây ra. Bệnh lây lan qua đường không khí (virus phát tán trong không khí và lây nhiễm cho người), qua đường giọt bắn (lây nhiễm qua ho, hắt hơi,...) và tiếp xúc. Thời gian ủ bệnh (từ khi nhiễm bệnh đến khi xuất hiện triệu chứng) khoảng 2 tuần. Các triệu chứng chính là phát ban và sốt. Ban phát triển trên mặt, ngực, bụng và đầu, bắt đầu từ những nốt đỏ, sau đó phát triển thành mụn nước, mụn mủ (chứa chất lỏng đặc) rồi đóng vảy và lành lại. Thông thường, số lượng mụn nước đạt từ 250 đến 500 nốt trở lên trong vòng vài ngày sau khi xuất hiện triệu chứng. Sốt thường khoảng 38° C và kéo dài 2-3 ngày. Đôi khi sốt có thể vượt quá 40° C, kèm theo co giật do sốt cao. Các biến chứng chính bao gồm viêm phổi, viêm phế quản, viêm gan, nhiễm trùng da do vi khuẩn, viêm màng tim, viêm tiểu não, viêm não tủy và xuất huyết giảm tiểu cầu.

【水痘ワクチン】

【Vắc-xin thủy đậu】

生ワクチンです。接種した人の 90%以上が抗体を獲得するといわれています。副反応が極めて少ないワクチンです。

Đây là vắc-xin sống. Hơn 90% số người được tiêm có thể tạo kháng thể bảo vệ. Rất ít tác dụng phụ.

【接種スケジュール】

【Lịch tiêm chủng】

生後3歳に至るまでに、1回目の接種は標準として、生後12か月から15か月に至るまでの間に行い、1回目の接種後3か月以上あけて（標準的には6か月から12か月までの間に）2回目を行います。

Trước khi trẻ được 3 tuổi, mũi tiêm thứ nhất tiêu chuẩn sẽ được thực hiện trong khoảng thời gian từ 12 tháng đến 15 tháng sau khi sinh, và mũi tiêm thứ hai sẽ được thực hiện ít nhất 3 tháng sau mũi tiêm thứ nhất (tiêu chuẩn là trong khoảng từ 6 tháng đến 12 tháng).

【副反応】

【Phản ứng phụ】

主な副反応は接種部位の発赤や腫れ、発熱、発しんです。まれに接種直後から翌日にかけて発しん、じんましん、紅斑、痒み、発熱などがおこり、通常は数日中に消失します。極めてまれに、アナフィラキシー、血小板減少性紫斑病などがあります。

Phản ứng phụ phổ biến: Đỏ, sưng tại chỗ tiêm, sốt, phát ban. Ngay sau tiêm hoặc trong ngày hôm sau, có thể xuất hiện phát ban, nổi mề đay, ban đỏ, ngứa, sốt, hiếm khi xảy ra nhưng thường tự biến mất sau vài ngày. Rất hiếm khi xảy ra phản ứng sốc phản vệ, ban xuất huyết giảm tiểu cầu.

(8) 日本脳炎

(8) Viêm não Nhật Bản

人から人に直接感染するのではなく、ブタなどの体内で日本脳炎ウイルスが増えた後、そのブタを刺した蚊が人を刺すことによって感染します。感染してから症状がでるまでの期間は6~16日です。感染者のほとんどが無症状ですが、100~1,000人に1人が脳炎症状を発症すると言われています。高熱、頭痛、嘔吐、意識障がい、けいれんなどの症状を起こすと20~40%は亡くなると言われています。

Viêm não Nhật Bản không lây trực tiếp từ người sang người. Virus viêm não Nhật Bản sinh sôi trong cơ thể lợn, sau đó muỗi đốt lợn nhiễm virus rồi đốt người, khiến con người bị nhiễm bệnh. Thời gian ủ bệnh từ 6-16 ngày. Hầu hết những người nhiễm virus không có triệu chứng, nhưng khoảng 1 trên 100 đến 1.000 người có thể phát triển triệu chứng viêm não. Khi mắc bệnh, sốt cao, đau đầu, nôn mửa, rối loạn ý thức, co giật có thể xảy ra, và 20-40% trường hợp tử vong.

【日本脳炎ワクチン】

【Vắc-xin viêm não Nhật Bản】

ワクチンの発症予防効果は約80%と推定されており、接種回数が多くなるほど抗体の割合は高くなります。1~2回の接種では不十分で、3回以上接種しておくことが重要です。

Vắc-xin ước tính có hiệu quả ngăn ngừa phát bệnh khoảng 80%. Số lần tiêm càng nhiều, tỷ lệ tạo kháng thể càng cao. 1-2 mũi tiêm là không đủ, do đó cần tiêm ít nhất 3 mũi để đảm bảo hiệu quả bảo vệ.

【接種スケジュール】

【Lịch trình tiêm chủng】

種類 Loại		回数 Số lần tiêm	接種方法、間隔 Phương pháp tiêm, khoảng cách giữa các lần tiêm
1期 Giai đoạn 1	初 回 Lần đầu	2回 2 lần	6日以上（標準的には6日から28日まで）の間隔をあけて2回接種 Tiêm 2 mũi cách nhau ít nhất 6 ngày (tiêu chuẩn từ 6 đến 28 ngày)
	追 加 Bổ sung	1回 1 lần	初回接種終了後6か月以上（標準的にはおおむね1年）の間隔をあけて1回接種 Tiêm 1 mũi cách ít nhất 6 tháng trở lên sau khi hoàn thành mũi đầu (tiêu chuẩn khoảng 1 năm)
2期 Giai đoạn 2		1回 1 lần	9歳以上 13歳未満で1回接種 Tiêm 1 mũi cho trẻ từ 9 tuổi đến dưới 13 tuổi

【副反応】

【Phản ứng phụ】

主な副反応は接種部位の発赤や腫れ、発熱、発しんなどで、これらのほとんどは接種3日後までにみられます。

Các phản ứng phụ chính bao gồm đỏ hoặc sưng tại vị trí tiêm, sốt, phát ban, v.v., hầu hết các triệu chứng này xuất hiện trong vòng 3 ngày sau tiêm.

ごくまれに、ショック、アナフィラキシー、急性散在性脳脊髄炎（ADEM）、脳炎、けいれん、血小板減少性紫斑病などの重大な副反応の発生がみられることがあります。

Rất hiếm khi có thể xảy ra các phản ứng phụ nghiêm trọng như sốc, phản vệ, viêm não tủy rải rác cấp tính (ADEM), viêm não, co giật, xuất huyết giảm tiểu cầu, v.v.